

Số: /BC-UBND

Nguyệt Đức, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm 06 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Kính gửi:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ;
- Đảng ủy xã Nguyệt Đức.

Thực hiện Công văn số 10581/UBND-KGVX4 ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc xây dựng báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện phục vụ Hội nghị sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

UBND xã Nguyệt Đức báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất qua 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Qua 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực. Trước khi Nghị quyết được ban hành, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế; nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, người dân chưa đồng đều. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 99.30%; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 99,47%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 100%; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 98,74%, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho người dân.

Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng trên địa bàn xã. UBND xã đã tổ chức 02 hội nghị, 01 hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức về công tác chuyển đổi số cho 164 cán bộ, công chức, viên chức, 224 thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng; 01 hội Tập huấn, bồi dưỡng sử dụng phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng (theo KPI) cho 300 cán bộ, công chức, viên chức.

Địa phương đã tổ chức 06 hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các thôn dân cư tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao kỹ năng số và thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở.

Bên cạnh đó, xã đã triển khai mô hình “Quản lý kinh tế hộ kinh doanh bằng nền tảng số” nhằm hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước, xây dựng cơ sở dữ liệu số đồng bộ về hộ kinh doanh; đồng thời hỗ trợ hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW

Chuyển biến quan trọng nhất là nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt. Việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số ngày càng trở nên phổ biến; người dân chủ động hơn trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và ứng dụng công nghệ trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ. Kinh phí dành cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế so với yêu cầu thực tế.

Kỹ năng số của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi và người dân ở khu vực nông thôn còn hạn chế; việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và ứng dụng số trong đời sống chưa thực sự đồng đều. Việc thay đổi thói quen từ phương thức truyền thống sang môi trường số cần thêm thời gian và sự hỗ trợ thường xuyên từ các cơ quan, đơn vị và Tổ công nghệ số cộng đồng.

4. Sau 1,5 năm, năng lực cạnh tranh mới hoặc mô hình phát triển mới nào đã bắt đầu hình thành tại địa phương

Sau 1,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trên địa bàn xã bước đầu hình thành các mô hình ứng dụng công nghệ số và khoa học công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương như mô hình “Chi hội Phụ nữ số” chi hội phụ nữ thôn Nghinh Tiên 2, mô hình “Bình dân học vụ số” Đoàn thanh niên xã Nguyệt Đức. Các mô hình này góp phần nâng cao kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đời sống và từng bước đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tiếp tục được Đảng ủy, HĐND, UBND xã quan tâm thực hiện quyết liệt, đồng bộ, gắn với phương châm “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả”. So với thời điểm đầu năm 2025, việc triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng thực chất, bám sát nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND xã đã chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, văn bản triển khai nhiệm vụ; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và bộ phận chuyên môn trong quá trình thực hiện. Việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành, xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tiếp tục được đẩy mạnh; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước từng bước được nâng cao.

Thông qua sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy, chính quyền địa phương, các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số, phổ cập chữ ký số công cộng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất đã được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận các dịch vụ số và từng bước thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào đời sống và sản xuất trên địa bàn xã.

1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp...

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ được giao cơ bản được cụ thể hóa bằng kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và đầu mối thực hiện.

Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể và Tổ công nghệ số cộng đồng từng bước được tăng cường; nhiều nội dung trước đây triển khai riêng lẻ nay đã được lồng ghép đồng bộ với cải cách hành chính, chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”.

Thông qua việc duy trì các hệ thống dùng chung của tỉnh, việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

Các mô hình chuyển đổi số cộng đồng bước đầu tạo được sự lan tỏa tại cơ sở; người dân đã từng bước tiếp cận các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đối với các hợp tác xã, hộ kinh doanh và sản phẩm OCOP trên địa bàn, việc hỗ trợ quảng bá trên môi trường số đã góp phần mở rộng hình thức giới thiệu sản phẩm, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng thông qua website và các nền tảng trực tuyến.

Một số khó khăn trước đây như việc sử dụng chữ ký số, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và khai thác các hệ thống dùng chung từng bước được cải thiện thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn khó khăn do kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế; nhiều điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên việc cài đặt và sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn; nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin tại cấp xã còn thiếu, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

(Có Phụ lục I kèm theo).

2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ được giao: 34, trong đó:

- (1) Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 34/34 (số nhiệm vụ hoàn thành trong hạn: 34/34, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ);
- (2) Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;
- (3) Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 0 nhiệm vụ

Tại Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận theodoingq.dcs.vn, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch 02 trên địa bàn xã, UBND Xã đã hoàn thành 34/34 nhiệm vụ của giai đoạn 2.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan

Tổng số PAKN, SKGP đã nhận được: 0.

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Đức không nhận được phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp nào về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp có thẩm quyền chuyển đến qua Hệ thống pakn.nq57.vn hoặc các kênh liên quan.

Số PAKN, SKGP đã giải quyết: 0.

Số PAKN, SKGP tồn đọng/chưa được giải quyết: 0.

Hiện nay, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống pakn.nq57.vn được thực hiện tập trung ở cấp tỉnh; cấp xã thực hiện xử lý khi có nội dung được chuyển giao theo thẩm quyền. UBND xã Nguyệt Đức đã quán triệt cán bộ, công chức theo dõi, sẵn sàng phối hợp xử lý kịp thời khi phát sinh nội dung thuộc phạm vi quản lý.

(Có Phụ lục II kèm theo).

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, UBND xã Nguyệt Đức trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đến nay địa phương chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, UBND xã đã ban hành nhiều kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06, phong trào Bình dân học vụ số, chiến dịch làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn.

So với đầu năm 2025, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các nhiệm vụ được triển khai ngày càng đồng bộ, bám sát yêu cầu thực tiễn của địa phương; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất từng bước mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Đối với các nội dung về cơ chế đặt hàng công nghệ theo đầu ra, mua sắm công đổi mới sáng tạo, nghiệm thu sản phẩm công nghệ theo kết quả vận hành, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), định giá tài sản trí tuệ, định giá dữ liệu, định giá sản phẩm nghiên cứu và phát triển (R&D), cơ chế góp vốn, chuyển nhượng, thế chấp tài sản trí tuệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn môi, đồng đầu tư và các cơ chế đặc thù khác, trên địa bàn xã chưa phát sinh nội dung thuộc phạm vi triển khai, thực hiện.

(Có Phụ lục III kèm theo).

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 434 thủ tục hành chính, trong đó, số dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 215 thủ tục, số dịch vụ công trực tuyến một phần là 219 thủ tục.

Trong 6 tháng đầu năm 2026 (tính đến hết ngày 10/6/2026), UBND xã đã tiếp nhận 6.657 hồ sơ trực tuyến; không phát sinh hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và hình thức khác. Lũy kế đến thời điểm báo cáo đã tiếp nhận 6.789 hồ sơ trực tuyến.

- Kết quả các chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT (theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ); kết quả cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp; cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu.

+ Theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 766/QĐ-TTg, UBND xã đạt kết quả tích cực:

Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt: 98.89 %

Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt: 100%.

Mức độ hài lòng của người dân đạt 100%.

Công khai minh bạch TTHC tại TT đạt 100%.

Thanh toán trực tuyến đạt : 100%.

Tiến độ giải quyết công việc đạt 100%.

+ Dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; các dịch vụ công trực tuyến phi địa giới hành chính được triển khai theo quy định. Công tác liên thông, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh theo các nghị quyết của Chính phủ.

UBND xã thường xuyên thực hiện rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết và các quy định còn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Việc đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu đã góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân. Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa có nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh.

- Kết quả triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

UBND xã duy trì việc khai thác, sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- Việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VNeID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan.

UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng và các tiện ích số trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Đánh giá kết quả đạt được: So với đầu năm 2025, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi hơn cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử góp phần giảm hồ sơ giấy, giảm số lần đi lại, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Công tác liên thông, tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh, hạn chế việc người dân phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và cơ quan nhà nước.

- Đối với nhóm thủ tục chuyên biệt có thể gây điểm nghẽn cho thị trường công nghệ cần phải rà soát, cắt giảm như: thủ tục thử nghiệm công nghệ; sandbox; đặt hàng công nghệ; mua sắm công nghệ; thành lập phòng thí nghiệm; đầu tư vào khu công nghệ cao; định giá tài sản trí tuệ; chia sẻ, khai thác dữ liệu; thủ tục đất đai, xây dựng cho R&D, phòng lab.

Qua rà soát, trên địa bàn xã không phát sinh các thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã liên quan đến thử nghiệm công nghệ, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), thành lập phòng thí nghiệm, đầu tư khu công nghệ cao, định giá tài sản trí tuệ hoặc các thủ tục phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Do đó, địa phương không có nội dung báo cáo về các thủ tục nghẽn và phương án cắt giảm đối với nhóm thủ tục này.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập internet và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. So với đầu năm 2025, hạ tầng viễn thông tiếp tục được cải thiện. Địa phương chưa ghi nhận các điểm lùm sóng lớn ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Đảng uỷ, UBND xã đã trang bị hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền internet và các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ các cuộc họp, hội nghị với cấp trên: Trang bị màn hình led, thiết bị âm thanh, camera, đường truyền kết nối. Đáp ứng cơ bản yêu cầu tổ chức hội nghị trực tuyến từ trung ương, tỉnh đến xã.

Việc triển khai sử dụng chữ ký số trong hoạt động của cơ quan được quan tâm thực hiện: 100% cán bộ, công chức đã được cấp chữ ký số công vụ.

- So với đầu năm 2025, hạ tầng số trên địa bàn xã đã có bước phát triển tích cực, đặc biệt là việc triển khai phủ sóng mạng 5G. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

UBND xã tiếp tục triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, tài khoản định danh điện tử VNeID và các nền tảng phục vụ thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

Việc khai thác, sử dụng các nền tảng số ngày càng thường xuyên, hiệu quả hơn; tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, tổ chức.

(Có Phụ lục V kèm theo)

4. Về dữ liệu số

- Tiến độ xây dựng, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Nghị quyết số 11 của Chính phủ.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh số hóa trong thực hiện nhiệm vụ, Đảng ủy xã Nguyệt Đức đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã và các bộ phận chuyên môn triển khai việc tạo lập hồ sơ, tài liệu trên môi trường điện tử. Kết quả: Việc soạn thảo, lưu trữ văn bản điện tử được thực hiện thường xuyên thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Tỷ lệ văn bản được số hóa, lưu trữ điện tử ngày càng tăng; từng bước hạn chế sử dụng văn bản giấy.

Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ đã triển khai thực hiện việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử toàn trình: 100% văn bản (trừ văn bản mật) được trao đổi, xử lý qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc ký số, phát hành văn bản điện tử được thực hiện đúng theo quy định. Quy trình xử lý văn bản được rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả công việc.

- Việc gửi, nhận và xử lý văn bản, hồ sơ có độ mật (Mật, Tối mật) qua mạng thông tin diện rộng của các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện đúng theo hướng dẫn của cấp trên; thường xuyên nhắc, quán triệt, triển khai các quy định về bảo mật thông tin; thực hiện quản lý, xử lý văn bản mật theo đúng quy trình, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Đảng ủy xã đã chỉ đạo UBND xã rà soát, từng bước chuẩn hóa, tái cấu trúc các quy trình nghiệp vụ để phù hợp với môi trường số: Rút gọn các bước xử lý, giảm thủ tục trung gian; chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng cường ứng dụng phần mềm trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

UBND xã thực hiện khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung theo phân cấp, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

- Việc số hóa hồ sơ TTHC, DVC, dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, hộ tịch, y tế, giáo dục,...).

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%. Dữ liệu hộ tịch điện tử được cập nhật, khai thác theo quy định; các dữ liệu chuyên ngành khác được quản lý, sử dụng trên các hệ thống chuyên ngành của cấp có thẩm quyền.

- Mức độ đúng, đủ, sạch, sống của dữ liệu; kết nối, chia sẻ, liên thông, mở dữ liệu; mức độ khai thác, sử dụng dữ liệu trong công tác nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công, điều hành, quản lý nhà nước; khả năng thay thế hồ sơ giấy bằng dữ liệu; những CSDL còn chậm, còn thiếu dữ liệu, khó khai thác hoặc chưa phát huy hiệu quả.

Việc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 98,74%. Dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cơ bản bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, từng bước giảm việc sử dụng hồ sơ giấy. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa do cấp xã quản lý nên việc khai thác, sử dụng phụ thuộc vào tiến độ cập nhật, hoàn thiện của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Đánh giá kết quả thực chất đạt được với 3 cấp độ dữ liệu

So với đầu năm 2025, công tác số hóa hồ sơ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực. Dữ liệu từng bước được chuẩn hóa, liên thông và tái sử dụng hiệu quả hơn; việc khai thác dữ liệu điện tử trong xử lý công việc ngày càng được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm giấy tờ và tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

(Có Phụ lục V kèm theo)

5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Kết quả về đào tạo, hướng dẫn, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân tham gia chuyển đổi số:

UBND xã đã tổ chức 02 hội nghị, 01 hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức về công tác chuyển đổi số cho 164 cán bộ, công chức, viên chức, 224 thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng; 01 hội Tập huấn, bồi dưỡng sử dụng phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng (theo KPI) cho 300 cán bộ, công chức, viên chức.

Địa phương đã tổ chức 06 hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các thôn dân cư tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao kỹ năng số và thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở.

- Việc bố trí nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương:

UBND xã đã bố trí 01 công chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc phòng Văn hoá - Xã hội tham mưu triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn. Thời điểm 01.6.2026 lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS giao Văn phòng UBND xã.

- Đánh giá những kết quả đạt được:

Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn đã được nâng lên rõ rệt. Công tác đào tạo, tập huấn được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao khả năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc, học tập và đời sống. Đến nay, 100% cán bộ, công chức của xã đã được tiếp cận, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản theo yêu cầu, góp phần đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

(Có Phụ lục VII kèm theo)

6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

Hoạt động kinh tế số trên địa bàn xã bước đầu được hình thành và phát triển, tuy nhiên quy mô còn nhỏ, chủ yếu ở mức độ ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh. Một số hộ kinh doanh, cá nhân đã bước đầu sử dụng các nền tảng mạng xã hội (Zalo, Facebook...) để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông sản, hàng hóa của địa phương.

+ Sản phẩm, dịch vụ số: chủ yếu là các dịch vụ bán hàng trực tuyến, quảng bá sản phẩm qua mạng xã hội và các nền tảng số.

+ Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp ICT: Trên địa bàn xã hiện chưa có doanh nghiệp chuyên sâu; chủ yếu sử dụng dịch vụ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ bên ngoài xã.

Hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn có chuyển biến tích cực: Một số hộ kinh doanh, cá nhân đã tham gia bán hàng trên các sàn thương mại điện tử và nền tảng số như mạng xã hội, ứng dụng bán hàng trực tuyến. Việc quảng bá, tiêu thụ sản

phẩm xã thông qua môi trường số từng bước được mở rộng. Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt bước đầu được người dân, cơ sở kinh doanh tiếp cận và sử dụng.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát triển xã hội số, Đảng ủy xã đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã xây dựng và triển khai kế hoạch “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã, tập trung nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân. Kết quả đạt được: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại khu dân cư; nội dung tuyên truyền tập trung vào hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh, các ứng dụng số cơ bản; thanh toán không dùng tiền mặt; nhận diện và phòng tránh rủi ro, lừa đảo trên không gian mạng; tuyên truyền về vai trò, lợi ích của chuyển đổi số trong đời sống.

- Thông qua triển khai kế hoạch, nhận thức và kỹ năng số của người dân từng bước được nâng lên, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Kiện toàn và duy trì hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các khu dân cư trên địa bàn xã, với sự tham gia của cán bộ, đoàn viên thanh niên và các lực lượng nòng cốt.

- Kết quả hoạt động: Đã hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số thiết yếu; hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin. Hỗ trợ giải đáp thắc mắc, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình người dân tiếp cận công nghệ số

So với năm 2025, nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân đã được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất và đời sống ngày càng được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn xã.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, Đảng ủy xã đã chỉ đạo UBND xã và các bộ phận chuyên môn chủ động nghiên cứu, đề xuất và từng bước triển khai một số mô hình thí điểm phù hợp với điều kiện thực tiễn tại xã.

Một số mô hình bước đầu được triển khai như: ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số hóa hồ sơ, tài liệu trong hoạt động của cơ quan; triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ phù hợp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hộ tịch, đất đai, an sinh xã hội. Các mô hình bước đầu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đảng ủy xã đã quan tâm chỉ đạo thúc đẩy mối liên kết giữa “Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp” trong phạm vi điều kiện thực tế của xã. Thông qua việc phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các tổ chức, cá nhân có năng lực, từng bước đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả hoạt động KHCN, ĐMST bước đầu được quan tâm nghiên cứu, song chưa triển khai thực hiện do chưa có sản phẩm cụ thể và hướng dẫn chi tiết từ cấp trên.

Công tác hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn được quan tâm lồng ghép trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ủy, chính quyền xã đã tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là thanh niên mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh.

Trên địa bàn xã hiện chưa có doanh nghiệp hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh chủ yếu là quy mô nhỏ lẻ, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm triển khai; bước đầu tạo sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức được chú trọng, góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Tồn tại, hạn chế

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã chủ yếu tập trung vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ hiện có; chưa có các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ quy mô lớn.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; việc tiếp cận các công nghệ mới của người dân và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn gặp khó khăn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong hoạt động quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phục vụ người dân.

(Có Phụ lục VIII kèm theo)

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Kết quả thực hiện

Thực hiện các chủ trương, quy định của cấp trên về bố trí kinh phí cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS, Đảng ủy xã đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã chủ động cân đối, lồng ghép nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai các nhiệm vụ.

2. Khó khăn, hạn chế

Nguồn ngân sách xã còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS. Chưa có cơ chế tài chính đặc thù, linh hoạt cho lĩnh vực này. Việc lồng ghép các nguồn vốn còn gặp khó khăn. Công tác tham mưu có lúc chưa chủ động, chưa đề xuất được nhiều giải pháp huy động nguồn lực xã hội. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội của xã còn khó khăn; cơ chế, chính sách cấp trên còn đang hoàn thiện; năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện còn hạn chế.

3. Đề xuất, kiến nghị

Để hoàn thành các mục tiêu chiến lược về KH, CN & ĐMST và đặc biệt là chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030, Cấp ủy và chính quyền địa phương trân trọng kiến nghị các cơ quan Trung ương và các Sở, ban, ngành cấp tỉnh xem xét hỗ trợ một số nội dung trọng tâm sau:

1. Về cơ chế tài chính và nguồn vốn đầu tư

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng số: Kiến nghị Tỉnh ưu tiên phân bổ ngân sách từ các chương trình mục tiêu quốc gia để nâng cấp hạ tầng mạng băng thông rộng và trung tâm dữ liệu tại cơ sở, đảm bảo điều kiện vận hành cho chính quyền số và hệ thống truyền thanh thông minh.

2. Về nâng cao năng lực và nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo chuyên sâu: Kiến nghị các Bộ, ngành và Sở Thông tin & Truyền thông tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và Tổ công nghệ số cộng đồng. Đề nghị có nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động cho lực lượng này để duy trì tính bền vững tại cơ sở.

- Chương trình chuyển giao công nghệ: Đề xuất các Sở KH&CN định hướng, hỗ trợ kinh phí để địa phương tiếp nhận các quy trình công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và quản lý hành chính, giúp thu hẹp khoảng cách công nghệ giữa nông thôn và thành thị.

3. Về xây dựng mô hình điểm

- Phê duyệt danh mục dự án ưu tiên: Kiến nghị cấp trên đưa địa phương vào danh sách các đơn vị thực hiện thí điểm mô hình “Phần mềm quản lý khu phố” hoặc “Chuyển đổi số toàn diện” trong năm 2026. Việc này sẽ giúp địa phương tiếp cận được nguồn kinh phí hỗ trợ tập trung và sự đồng hành kỹ thuật từ các chuyên gia đầu ngành.

Đề nghị các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho địa phương để đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của cấp cơ sở.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

Trên địa bàn xã không phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của UBND xã.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Văn Lang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng cao; các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Các chỉ tiêu về hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, tái sử dụng dữ liệu đạt kết quả tích cực. Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng; các mô hình ứng dụng AI, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; chưa có cán bộ chuyên trách. Cơ chế, chính sách thu hút nhân lực còn hạn chế, chưa đủ sức hấp dẫn. Điều kiện kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng còn khó khăn. Hoạt động hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu còn ít, chưa thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội của xã còn hạn chế; công tác tham mưu chưa có nhiều giải pháp đột phá; chưa thu hút được nguồn lực xã hội tham gia. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Một số mô hình bước đầu hình thành

Mô hình 32 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn dân cư.

Mô hình “ đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” trong triển khai chuyển đổi số và Đề án 06.

Mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai làm điểm tại 4 thôn dân cư để kiểm nghiệm, hoàn thiện quy trình trước khi triển khai diện rộng.

Mô hình quản lý nhiệm vụ theo nguyên tắc “ rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ trách nhiệm”.

Mô hình “Chi hội phụ nữ số” Chi hội phụ nữ Nghinh Tiên 2.

(Có Phụ lục IX kèm theo)

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

Nhìn chung, các nhiệm vụ, hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn được triển khai gắn với nhu cầu thực tế, không có nội dung chỉ dừng ở việc hoàn thành thủ tục hoặc báo cáo mà không tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, ở một số nội dung tuyên truyền, tập huấn chuyển đổi số, mức độ tiếp cận và khả năng ứng dụng thực tế của người dân còn chưa đồng đều; một bộ phận người dân vẫn cần được hỗ trợ khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số, do đó hiệu quả khai thác sau tập huấn chưa thực sự đồng đều giữa các nhóm đối tượng.

Việc tích hợp một số loại giấy tờ điện tử trên VNeID còn phát sinh vướng mắc do dữ liệu chưa đồng bộ hoặc chưa đủ điều kiện tích hợp.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

Trên địa bàn xã không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND xã liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Cấp xã chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn và chỉ đạo của cấp trên; chưa có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù để chủ động thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Một số nhiệm vụ mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần sự hướng dẫn, hỗ trợ đồng bộ từ các cơ quan chuyên môn cấp trên trong quá trình tổ chức thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu do thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuộc cấp trên.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ triển khai; địa phương chủ động tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở chưa thực sự đồng bộ. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

Một số hệ thống, nền tảng số trong quá trình sử dụng đôi khi còn xảy ra tình trạng quá tải hoặc lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

Chưa có cơ chế hỗ trợ kinh phí, thiết bị cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn chủ yếu tập trung ở mức ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn; chưa hình thành các mô hình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo quy mô lớn.

Việc ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất và đời sống còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của người dân và khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư hạn chế, quy mô kinh tế địa phương còn nhỏ.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; địa phương tăng cường tuyên truyền, khuyến khích người dân ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và đời sống.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Nguồn kinh phí bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

Nguyên nhân chủ yếu do khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương chủ động sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

UBND xã bố trí cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, song nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và các công nghệ mới tại cấp xã còn hạn chế; việc tiếp cận, cập nhật kiến thức chuyên môn đối với các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và chuyển đổi số chuyên sâu chủ yếu thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

Nguyên nhân chủ yếu do cấp xã chưa có điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn cấp trên tăng cường tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ cơ sở.

7. Các vấn đề khác có liên quan

Không.

Phần 4

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT, ĐÓNG GÓP CHO TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

1. Phong trào Bình dân học vụ số và nâng cao kỹ năng số cho người dân

- Cơ chế tác động đến tăng trưởng:

Nâng cao trình độ số của người dân, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ số, thương mại điện tử và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tác động đến năng suất:

Người dân được tiếp cận các công cụ số giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính và tìm kiếm thông tin phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tác động đến TFP:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả khai thác các nguồn lực xã hội thông qua ứng dụng công nghệ số.

- Thu hút vốn tư nhân:

Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tại địa phương.

- Doanh nghiệp công nghệ hình thành:

Chưa phát sinh doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn.

- Chuỗi giá trị được nâng cấp:

Từng bước thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

- Thị trường đầu ra:

Hỗ trợ người dân tiếp cận các kênh quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên môi trường số.

II. ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ

Qua thực tiễn triển khai tại cơ sở cho thấy, việc huy động các nguồn lực xã hội cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực đầu tư của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu tập trung vào sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ; chưa hình thành các dự án đầu tư lớn về công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển.

Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đánh giá đầy đủ xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư giữa các lĩnh vực sản xuất, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác; đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân đầu tư vào sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu số, dữ liệu đất đai, quy hoạch, đầu tư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường công khai, minh bạch thông tin để

tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; góp phần thu hút các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Phần 5

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Cơ quan chủ trì: Đảng uỷ, UBND xã Nguyệt Đức

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, các thôn trên địa bàn xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Cơ quan phối hợp: Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%; tiếp tục nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, tỷ lệ số hóa hồ sơ, tỷ lệ cấp kết quả điện tử và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu.

3. Nâng cao chất lượng phong trào Bình dân học vụ số và kỹ năng số cho người dân

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Cơ quan phối hợp: Các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, các thôn trên địa bàn xã.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Tiếp tục nâng cao kỹ năng số cho người dân; tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số.

4. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất và đời sống

Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội, các thôn và các tổ chức có liên quan.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ; nghiên cứu nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cơ quan chủ trì: Đảng uỷ, UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan chuyên môn cấp trên.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng công nghệ mới phục vụ công tác chuyên môn.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở.

Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở.

Đồng thời, đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở.

(Có Phụ lục X kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND xã Nguyệt Đức./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTĐU, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, PVHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Quang Dũng

CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Nguyệt Đức)

1. Phụ lục I. Công tác chỉ đạo, điều hành, hiệu quả đem lại

STT	Số văn bản đã ban hành		Số phiên họp/cuộc họp		Các phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu đã áp dụng	Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại	Khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ	Tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp
	Người đứng đầu trực tiếp ký	Cấp phó người đứng đầu ký	Người đứng đầu chủ trì	Cấp phó người đứng đầu chủ trì				
1	31	283	08	19	Chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, nền tảng số và các nhóm công việc trực tuyến	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, kỹ năng số cho người dân; triển khai hiệu quả các mô hình “Bình dân học vụ số”, tiếp cận AI và thanh toán không dùng tiền mặt	Từng bước hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế	Nâng cao hiệu quả xử lý công việc tại cơ quan nhà nước; tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC và tiếp cận các dịch vụ số

2. Phụ lục II. Phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp tốt, có giá trị thực tiễn

Việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị

STT	Nhóm PAKN/SKGP xuất hiện nhiều		Những điểm nghẽn được phản ánh?	Đã giải quyết dứt điểm chưa?
	PAKN/SKGP mới	PAKN/SKGP được đề cập kéo dài hoặc lặp lại		
1	0	0		

Những sáng kiến, giải pháp

STT	Nội dung PAKN/SKGP	Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân đề xuất	Giá trị thực tiễn có thể mang lại	Kiến nghị của cơ quan giải quyết để SKGP có thể triển khai, áp dụng
1	Không có			

3. Phụ lục III. Danh sách thể chế, chính sách đã ban hành, cần ban hành: không có.

4. Phụ lục IV. Bảng số liệu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Số thủ tục hành chính hiện nay: 434, trong đó:

STT	Số TTHC
1	Cấp xã
	434

- Số dịch vụ công trực tuyến hiện nay: 503, trong đó:

STT	Cấp xã	
1	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
	215	219

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2026 và lũy kế đến hiện tại (10/6/2026):

STT	Số hồ sơ trực tuyến		Số hồ sơ trực tiếp và hình thức khác	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại
1	Cấp Xã			
	6.657	12.324	0	0

5. Phụ lục V. Danh mục nền tảng số quốc gia, chuyên ngành, dùng chung

UBND xã chủ yếu khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số chuyên ngành và nền tảng dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh triển khai phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

6. Phụ lục VI. Tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

UBND xã không trực tiếp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hiện chủ yếu khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung do Trung ương và cấp tỉnh triển khai, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

7. Phụ lục VII. Việc bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bố trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bố trí đủ	Ghi chú
1	4	1	3		

8. Phụ lục VIII. Danh mục công nghệ chiến lược/sản phẩm công nghệ chiến lược

Không có.

9. Phụ lục IX. Danh mục một số kết quả đột phá

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
1	Kỹ năng sử dụng nền tảng số, DVCTT của một bộ phận phụ nữ nông thôn còn hạn chế; chưa chủ động tiếp cận các dịch vụ số.	Tổ chức mô hình 32 Tổ công nghệ số cộng đồng. Mô hình Mô hình “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” trong triển khai chuyển đổi số và Đề án 06.	Cổng DVC, VNeID, nền tảng số dùng chung của tỉnh; cán bộ chuyên môn, Tổ công nghệ số cộng đồng,	Triển khai năm 2026; sử dụng nguồn lực hiện có của địa phương, lồng ghép các hoạt động chuyển đổi số và Bình dân học vụ số.	Tổ chức 02 hội nghị, 01 hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức về công tác chuyển đổi số cho 164 cán bộ, công chức, viên chức, 224 thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng ; 01 hội Tập huấn, bồi dưỡng sử dụng phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng (theo KPI) cho 300 cán bộ, công chức, viên chức.	Nâng cao nhận thức và kỹ năng số; tăng khả năng tiếp cận DVCTT; giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC.	Có thể nhân rộng tại các thôn khác thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ chức đoàn thể.	Cần duy trì lực lượng hướng dẫn tại cơ sở và bảo đảm sự tham gia thường xuyên của người dân.	Lãnh đạo UBND xã trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi kết quả.	Ông: Đỗ Văn Mạnh – chuyên viên Phòng Văn hóa – xã hội

10. Phụ lục X. Danh mục đề xuất kiến nghị của các cơ quan, địa phương

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
I	Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành					
1	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số	UBND xã Nguyệt Đức	UBND xã Nguyệt Đức	Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn thể	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	6 tháng cuối năm 2026
II	Nhóm vấn đề cần sở, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ					
1	Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí	Năm 2026
2	Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành cấp tỉnh	Hệ thống thông tin đồng bộ	Năm 2026

	trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở					
3	Đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Kinh phí hỗ trợ	Năm 2026